

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 3 - 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Doan

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng– Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị S, sinh năm 1992 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Tổ 04, ấp 01, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Điều M, sinh năm 1991 (Vắng mặt không lý do)

Trú tại: Tổ 04, ấp 01, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai chị Thị S trình bày:

Chị Thị S và anh M tự nguyện chung sống và có đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, quyền số 01/2014, ngày 06/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không quan tâm vợ con, không làm việc để lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu rồi về đánh đập vợ con. Từ đầu năm 2021 chị S và anh M đã sống ly thân. Nay nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên chị Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Điều M.

Quá trình chung sống chị S và anh M có 03 con chung Điều Hoàng Ph, sinh ngày 05/6/2014; Điều Thị Mỹ N, sinh ngày 14/11/2015; Điều Thị Tuyết H, sinh ngày 28/7/2018. Do các con đang sống cùng chị Thị S nên khi ly hôn chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung. Chị S không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Điều M:

Sau khi thụ lý vụ án ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để triệu tập anh M đến Tòa án làm việc nhưng anh M vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không lý do. Anh M cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị S và anh Điều M ly hôn, giao 03 con chung cho chị S nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Chị Thị S yêu cầu ly hôn với anh Điều M có nơi cư trú tại ấp 02, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M. Chị Thị S đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thị S theo khoản 01 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị S và anh Điều M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khương, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Thị S xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng do anh M không làm việc lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu rồi đánh đập vợ con nên yêu cầu ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống anh chị có mâu thuẫn nên hai người đã không còn ở chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh M cũng không có ý kiến hay nguyện vọng đoàn tụ, không tham gia quá trình hòa giải tại Tòa án. Do vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn của chị Thị S và anh Điều M là có thật nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị S được ly hôn với anh Điều M.

[3] Về con chung: Đối với 03 con chung Điều Hoàng Ph, sinh ngày 05/6/2014; Điều Thị Mỹ N, sinh ngày 14/11/2015; Điều Thị Tuyết H, sinh ngày 28/7/2018 quá trình vợ chồng ly thân và hiện nay các con đang sống cùng mẹ, chị Thị S có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con. Quá trình giải quyết vụ án anh M không thể hiện nguyện vọng được nuôi con nên để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử giao 03 con chung Điều Hoàng Ph, Điều Thị Mỹ Ngọc, Điều Thị Tuyết Hân cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Thị S không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị S xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 217, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị S được ly hôn với anh Điều M.
2. Về con chung: Giao 03 con chung Điều Hoàng Ph, sinh ngày 05/6/2014; Điều Thị Mỹ N, sinh ngày 14/11/2015; Điều Thị Tuyết H, sinh ngày 28/7/2018 cho chị Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị S không yêu cầu anh Điều M cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi con có thể yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí: Chị Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013536 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thủy